

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(đã được kiểm toán)



**Công ty Cổ phần Vinam**

Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ  
Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

**Công ty Cổ phần Vinam**

Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ

Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vinam tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 17 ngày 26/08/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Takishita Akira	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà: Hà Thị Thu Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc
------------------------	----------

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Vinam**

Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ  
Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

---

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Mạnh Cường**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

VI  
N  
F  
N  
5



Số: /ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vinam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 140/BCKT/TC ngày 08 tháng 04 năm 2021.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO**



**Nguyễn Thành Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2541-2018-149-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

**Trần Văn Minh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4025-2022-149-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>116.157.084.897</b>	<b>72.875.749.870</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>2.366.723.070</b>	<b>4.128.221.379</b>
111	1. Tiền		2.366.723.070	4.128.221.379
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>39.713</b>	<b>39.713</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		35.799.713	35.799.713
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.760.000)	(35.760.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>50.762.713.241</b>	<b>59.816.651.104</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	900.300.000	17.990.555.213
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	49.829.792.543	26.635.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	-	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	32.620.698	191.095.891
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>62.886.554.046</b>	<b>8.827.707.660</b>
141	1. Hàng tồn kho		62.886.554.046	8.827.707.660
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>141.054.827</b>	<b>103.130.014</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	11.388.869	55.322.917
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		129.665.958	47.807.097
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>129.758.144.330</b>	<b>56.475.665.865</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.540.000.000</b>	<b>-</b>
227	1. Tài sản cố định vô hình	10	1.540.000.000	-
228	- Nguyên giá		1.540.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>8.935.665.865</b>	<b>8.935.665.865</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.935.665.865	8.935.665.865
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>119.282.478.465</b>	<b>47.540.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		119.568.000.000	47.540.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(285.521.535)	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>245.915.229.227</b>	<b>129.351.415.735</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>663.288.370</b>	<b>1.899.342.779</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>663.288.370</b>	<b>1.899.342.779</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	170.000.000	50.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		215.886.989	1.534.567.228
314	3. Phải trả người lao động		209.975.174	226.637.804
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	22.333.251	43.044.791
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		45.092.956	45.092.956
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>245.251.940.857</b>	<b>127.452.072.956</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>245.251.940.857</b>	<b>127.452.072.956</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		197.999.940.000	115.499.940.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		197.999.940.000	115.499.940.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.956.000.000	2.600.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		195.900.595	195.900.595
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.100.100.262	9.156.232.361
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.156.232.361	(5.191.087.162)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		18.943.867.901	14.347.319.523
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>245.915.229.227</b>	<b>129.351.415.735</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Cao Thị Minh Nguyệt



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	20.348.443.181	31.300.040.980
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.348.443.181	31.300.040.980
11	4. Giá vốn hàng bán	18	16.765.587.258	18.549.573.590
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.582.855.923	12.750.467.390
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	18.421.394.700	59.691.845.018
22	7. Chi phí tài chính	20	285.521.535	6.263.524.738
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.538.971.113	1.612.548.997
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.179.757.975	64.566.238.673
31	11. Thu nhập khác	22	3.022.544	8
32	12. Chi phí khác	23	50.584.538	11.285.747
40	13. Lợi nhuận khác		(47.561.994)	(11.285.739)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.132.195.981	64.554.952.934
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	188.328.080	707.693.411
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>18.943.867.901</u>	<u>63.847.259.523</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	951	6.382

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Bích Liên



Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.132.195.981	64.554.952.934
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(18.135.873.165)	(61.121.845.018)
03	- Các khoản dự phòng		285.521.535	(1.430.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.421.394.700)	(59.691.845.018)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		996.322.816	3.433.107.916
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.027.920.998)	(39.393.835.916)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(54.058.846.386)	8.357.932.980
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(716.689.078)	676.101.385
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.934.048	(55.322.917)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	23.725.000.000
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(707.693.411)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.614.893.009)	(3.257.016.552)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.540.000.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		15.000.000.000	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(76.828.000.000)	(37.940.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.800.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.421.394.700	60.991.845.018
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(40.146.605.300)	23.051.845.018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		99.000.000.000	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(16.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		99.000.000.000	(16.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.761.498.309)	3.294.828.466
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.128.221.379	833.392.913
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	2.366.723.070	4.128.221.379

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Cao Thị Minh Nguyệt



Nguyễn Mạnh Cường

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2021*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinam tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 17 ngày 26/08/2021 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 197.999.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 197.999.940.000 đồng; tương đương 19.799.994 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông  
Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép  
Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- ...

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

- Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 11 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 08 nhân viên).

**Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các Công ty con**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Hà Nội	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản ; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế.
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Quảng Ninh	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty TNHH Vinam Vững Áng	Hà Tĩnh	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	TP.Hồ Chí Minh	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao G7	Hậu Giang	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.
Công ty cổ phần Phòng Khám Ba Đình	Hà Nội	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Công ty cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam	Hà Nội	Lập trình máy vi tính.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty xem tại Thuyết minh số 04.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### **2.4. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.6. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua, được đầu tư, được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi đầu tư được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**2.7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.10. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**2.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần, thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.13. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

### **2.14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.15. Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.16. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	553.183.216	673.682.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.813.539.854	3.454.539.379
	<u><b>2.366.723.070</b></u>	<u><b>4.128.221.379</b></u>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 cổ phiếu)	35.799.713	39.713	35.760.000	39.713
	<b>35.799.713</b>	<b>39.713</b>	<b>35.760.000</b>	<b>39.713</b>
				<b>35.760.000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể.

b) Đầu tư góp vốn vào công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học Hạ Long Tokyo	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường	Tổ dân phố Đông Trinh, P. Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	99%	99%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Tổ dân phố Đông Trinh, P. Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.	100%	100%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	03 Phan Văn Đạt, P.Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	70%	70%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7	KCN Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H.Châu Thành, T.Hậu Giang.	98%	98%	Sản xuất kinh doanh chế biến thuốc được phẩm, thực phẩm chức năng các
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	Số 37A Dốc Phụ san, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	98%	98%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam	Phòng số 302 tầng 3, Tòa tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội	98%	98%	Lập trình phần mềm máy vi tính

*Chi tiết giá trị từng khoản đầu tư*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>119.568.000.000</b>	<b>119.282.478.465</b>	<b>(285.521.535)</b>	<b>42.740.000.000</b>
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị kỹ thuật Miền Nam (1)	-	-	-	4.800.000.000
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (2)	4.800.000.000	4.800.000.000	-	4.800.000.000
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường (3)	18.368.000.000	18.368.000.000	-	5.940.000.000
Hà Long Tokyo (3)	-	-	-	-
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (4)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	11.000.000.000
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (5)	21.000.000.000	20.763.966.299	(236.033.701)	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 (6)	49.000.000.000	49.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (7)	4.900.000.000	4.850.512.166	(49.487.834)	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam (8)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
	<b>119.568.000.000</b>	<b>119.282.478.465</b>	<b>(285.521.535)</b>	<b>47.540.000.000</b>

Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 2011/2018/NQHĐQT/CVN ngày 20/11/2018 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300309142 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Công trình và Thiết bị kỹ thuật Miền Nam là 4.800.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ. Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp cho ông Lê Văn Mạnh theo hợp đồng số 01/CNVG-2021 ngày 22/3/2021.

Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học tại 31/12/2021 là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hà Long Tokyo tiền thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 05/02/2021, Công ty tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 49.500.000.000 đồng tương đương 99%. Đến 31/12/2021, Công ty CP Vinam đã thực góp 18.368.000.000 đồng.

Công ty TNHH Vinam Vũng Áng: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/8/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp tại 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ.



- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp tại 31/12/2021 là 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ.
- (5) Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ.
- (6) Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 2907/2021/NQHĐQT/CVN ngày 29/7/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 4.900.000.000 đồng.
- (7) Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 011/2021/NQHĐQT/CVN ngày 04/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109805330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 29.400.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 1.500.000.000 đồng.
- (8)

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn	900.300.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko	-	-	17.990.555.213	-
	<b>900.300.000</b>	<b>-</b>	<b>17.990.555.213</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	900.300.000	-	17.990.555.213	-
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	<b>900.300.000</b>	<b>-</b>	<b>17.990.555.213</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
	-	-	-	-

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)*

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Thực phẩm Chế biến Nhật Phú Nguyên	29.747.292.543	-	26.600.000.000	-
- Công ty TNHH Vinam Vững Áng	20.000.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	82.500.000	-	35.000.000	-
	<b>49.829.792.543</b>	<b>-</b>	<b>26.635.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)*

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (*)	-	-	15.000.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:**

(\*) Hợp đồng hỗ trợ vốn số 28.09.2020/HĐHTV/CVN-NPN ngày 28/9/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 28/12/2020 (gia hạn đến ngày 28/03/2021 theo phụ lục số 02.2912.2020 ngày 29/12/2020)
- Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 0 đồng

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	7.620.698	-	-	-
- Phải thu Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	-	-	191.095.891	-
- Phải thu khác	25.000.000	-	-	-
	<b>32.620.698</b>	<b>-</b>	<b>191.095.891</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa	62.886.554.046	-	8.827.707.660	-
	<b>62.886.554.046</b>	<b>-</b>	<b>8.827.707.660</b>	<b>-</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	1.540.000.000	1.540.000.000
- Mua trong năm	1.540.000.000	1.540.000.000
- Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>1.540.000.000</b>

**11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	8.935.665.865	8.935.665.865
<i>Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (1)</i>	<i>2.845.162.035</i>	<i>2.845.162.035</i>
<i>Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (2)</i>	<i>6.090.503.830</i>	<i>6.090.503.830</i>
	<b><u>8.935.665.865</u></b>	<b><u>8.935.665.865</u></b>

(1): Theo Hợp đồng số 1106/2019/HĐ-VN-BVKVAG ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

(2): Theo Hợp đồng số 01/2020/BVTC ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang Tân Châu. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

Sau khi hệ thống trên được đưa vào sử dụng. Công ty sẽ thu phí chụp của Bệnh viện theo giá được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến thời điểm Kiểm toán Công ty và Bệnh viện vẫn chưa tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống trên.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.388.869	15.050.189
- Các khoản khác	-	40.272.728
	<b><u>11.388.869</u></b>	<b><u>55.322.917</u></b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Hăng kiểm toán và định giá ASCO	120.000.000	120.000.000	-	-
- Công ty Cổ Phần Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
- Phải trả các đối tượng khác				
	<b><u>170.000.000</u></b>	<b><u>170.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000</u></b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	170.000.000	170.000.000	50.000.000	50.000.000
- Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	<b><u>170.000.000</u></b>	<b><u>170.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000</u></b>	<b><u>50.000.000</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	58.141.819	58.141.819	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	707.693.411	188.328.080	707.693.411	-	188.328.080
- Thuế thu nhập cá nhân	-	826.873.817	57.984.909	857.299.817	-	27.558.909
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>-</b>	<b>1.534.567.228</b>	<b>307.454.808</b>	<b>1.626.135.047</b>	<b>-</b>	<b>215.886.989</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Bảo hiểm xã hội	4.776.525	12.670.503
- Bảo hiểm y tế	851.292	1.702.584
- Bảo hiểm thất nghiệp	189.176	756.704
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.516.258	27.915.000
<i>Phải trả khác</i>	16.516.258	27.915.000
	<b>22.333.251</b>	<b>43.044.791</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>(5.191.087.162)</b>	<b>80.104.813.433</b>
Tăng vốn trong năm trước	32.999.940.000	-	-	63.847.259.523	63.847.259.523
Lãi trong năm trước	-	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.499.940.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>9.156.232.361</b>	<b>127.452.072.956</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>115.499.940.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>9.156.232.361</b>	<b>127.452.072.956</b>
Tăng vốn trong năm nay (i)	82.500.000.000	-	-	-	82.500.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.943.867.901	18.943.867.901
Tăng khác	-	16.500.000.000	-	-	16.500.000.000
Giảm khác	-	(144.000.000)	-	-	(144.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>197.999.940.000</b>	<b>18.956.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>28.100.100.262</b>	<b>245.251.940.857</b>

(i): Theo nghị quyết số 01/2020/CVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020 Công ty phát hành thêm 8.250.000 cổ phiếu, tương đương 82.500.000.000 VND cho các cổ đông hiện hữu. Đến ngày 11/01/2021 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn trên.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen	1.610.000.000	0,81%	1.610.000.000	1,39%
Lê Đức Khanh	35.000.000.000	17,68%	2.500.000.000	2,16%
Nguyễn Mạnh Cường	25.000.000.000	12,63%	-	0,00%
Nguyễn Minh Tuấn	20.000.000.000	10,10%	-	0,00%
Nguyễn Thị Mỹ Nhung	10.118.000.000	5,11%	118.000.000	0,10%
Cổ đông khác	106.271.940.000	53,67%	111.271.940.000	96,34%
	<b>197.999.940.000</b>	<b>100%</b>	<b>115.499.940.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115.499.940.000	82.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	82.500.000.000	32.999.940.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	197.999.940.000	115.499.940.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.799.994	11.549.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.799.994	11.549.994
- Cổ phiếu phổ thông	19.799.994	11.549.994
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.799.994	11.549.994
- Cổ phiếu phổ thông	19.799.994	11.549.994
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
	<b>195.900.595</b>	<b>195.900.595</b>

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	20.348.443.181	31.300.040.980
	<b>20.348.443.181</b>	<b>31.300.040.980</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	9.737.570.454	3.336.027.150

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.765.587.258	18.549.573.590
	<b>16.765.587.258</b>	<b>18.549.573.590</b>
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	-	-

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	180.254.581	191.845.018
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.241.140.119	59.500.000.000
	<b>18.421.394.700</b>	<b>59.691.845.018</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	3.666.216.063	59.500.000.000

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	6.257.755.178
Dự phòng tổn thất đầu tư	285.521.535	-
Chi phí tài chính khác	-	5.769.560
	<b>285.521.535</b>	<b>6.263.524.738</b>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	285.521.535	-

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.503.460.877	1.123.707.813
Chi phí khác bằng tiền	1.035.510.236	488.841.184
	<b>2.538.971.113</b>	<b>1.612.548.997</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	3.022.544	8
	<b>3.022.544</b>	<b>8</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản chi phí khác bị loại khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	50.584.538	11.285.747
	<b>50.584.538</b>	<b>11.285.747</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	19.132.195.981	64.554.952.934
Các khoản điều chỉnh tăng	50.584.538	-
- Chi phí không hợp lệ	50.584.538	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(18.241.140.119)	(59.500.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(18.241.140.119)	(59.500.000.000)
- ...		
Thu nhập chịu thuế TNDN	941.640.400	5.054.952.934
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>188.328.080</b>	<b>1.010.990.587</b>
Giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo NQ 116/2020/QH14	-	(303.297.176)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	707.693.411	295.924.650
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(707.693.411)	(295.924.650)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>188.328.080</b>	<b>707.693.411</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.328.080	707.693.411
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>188.328.080</b>	<b>707.693.411</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.503.316.877	1.123.707.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.654.236	488.841.184
	<b>2.538.971.113</b>	<b>1.612.548.997</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	2.366.723.070	-	4.128.221.379	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	932.920.698	-	18.181.651.104	-
Các khoản cho vay	-	-	15.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	35.799.713	(35.760.000)	35.799.713	(35.760.000)
	<b>3.335.443.481</b>	<b>(35.760.000)</b>	<b>37.345.672.196</b>	<b>(35.760.000)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	192.333.251	93.044.791
	<b>192.333.251</b>	<b>93.044.791</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Vinam**

Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu  
cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	39.713	-	-	39.713
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	<b>39.713</b>	-	-	<b>39.713</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Đầu tư ngắn hạn	39.713	-	-	39.713
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	<b>39.713</b>	-	-	<b>39.713</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.366.723.070	-	-	2.366.723.070
Phải thu khách hàng, phải thu khác	932.920.698	-	-	932.920.698
	<b>3.299.643.768</b>	-	-	<b>3.299.643.768</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.128.221.379	-	-	4.128.221.379
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.181.651.104	-	-	18.181.651.104
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	<b>37.309.872.483</b>	-	-	<b>37.309.872.483</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	192.333.251	-	-	192.333.251
	<b>192.333.251</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>192.333.251</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	93.044.791	-	-	93.044.791
	<b>93.044.791</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>93.044.791</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nghị quyết số 1301/2022/NQ-HĐQT ngày 13/01/2022 của Công ty về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty dự kiến chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 98.999.997.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này được dùng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư góp vốn vào các công ty con.

Đến ngày 17/01/2022, Công ty đã thu hồi đủ số tiền 20.000.000.000 đồng trả trước cho Công ty TNHH Vinam Vũng Áng theo hợp đồng 01.08.2021/VINAM-VUNGANG/HĐGC.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
<b>Tên Công ty</b>	
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Công ty con
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Công ty con
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	Công ty con
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7	Công ty con
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam Nguyễn Mạnh Cường	Công ty con
	Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

**Công ty Cổ phần Vinam**

Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu  
cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.737.570.454</b>	<b>3.336.027.150</b>
Chi nhánh công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng công nghệ y học - Phòng khám Thanh Sơn	900.272.727	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	900.272.727	-
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	7.937.025.000	3.336.027.150
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>3.666.216.063</b>	<b>59.500.000.000</b>
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	-	50.000.000.000
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	2.666.216.063	9.500.000.000
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>285.521.535</b>	-
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	236.033.701	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	49.487.834	-
<b>Góp vốn</b>	<b>76.828.000.000</b>	<b>37.940.000.000</b>
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	12.428.000.000	5.940.000.000
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	9.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	-	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7	49.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam	1.500.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>20.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	20.000.000.000	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>12.780.263</b>	-
Nguyễn Mạnh Cường	12.780.263	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	300.000.000	476.083.333

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng

Cao Thị Minh Nguyệt

Giám đốc

Nguyễn Mạnh Cường